

	Chinese	Trad.	Pinyin	Definition
1	大家	大家	dà jiā	everyone
2	主管	主管	zhǔ guǎn	in charge
3	台北	臺北	tái běi	Taibei or Taipei, capital of Taiwan
4	欢迎	歡迎	huān yíng	to welcome
5	公司	公司	gōng sī	(business) company
6	来	來	lái	to come
7	北京	北京	běi jīng	Beijing, capital of People's Republic of China
8	学习	學習	xué xí	to learn
9	文化	文化	wén huà	culture
10	和	和	hé	and
11	一下	一下	yí xià	(used after a verb) give it a go
12	来自	來自	lái zì	to come from (a place)
13	电玩	電玩	diàn wán	video game
14	将来	將來	jiāng lái	in the future
15	运动	運動	yùn dòng	to move
16	直播	直播	zhí bō	live broadcast (not recorded)
17	工程师	工程師	gōng chéng shī	engineer